TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2023/DS-ST
Ngày: 01- 8 - 2023
V/v:"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Vân và ông Trần Ngọc Toàn

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Trương Phi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Kiều Văn Liêu - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 220/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 309/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 297/2023/QĐST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng thương mại cổ phần S,

Địa chỉ trụ sở: Số H đường N, phường T, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D; Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh S1; Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần S – chi nhánh A.

Người được ủy quyền lại: Ông Huỳnh Công K; Chức vụ: Trưởng phòng Kiểm soát rủi ro Ngân hàng thương mại cổ phần S – chi nhánh A. Theo giấy uỷ quyền ngày 16/5/2023. Có mặt

Địa chỉ liên hệ: Số B đường T, phường Q, thành phố L, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Mỹ L, sinh năm 1984, Vắng mặt

Cư trú: Số M, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 12/11/2019, giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S (Ngân hàng) và bà Phạm Thị Mỹ L có ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 3254588111/2019/AG ngày 12/11/2019 và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ vào thu nhập của bà L, Ngân hàng đã đồng ý mở thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 100.000.000đ, thời hạn vay 03 năm, lãi suất 2,77%/tháng, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Từ khi được cấp thẻ tín dụng, bà L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 400.027.509đ và đã thực hiện thanh toán cho Ngân hàng số tiền 359.536.882đ, trong đó vốn 295.515.639, lãi 58.854.456đ, phí 5.166.787đ. Đến ngày 23/3/2023, bà L không còn thực hiện trả nợ cho Ngân hàng mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ làm việc, nhắc nhở.

Tính đến ngày 01/8/2023, bà L còn nợ các khoản sau: Dư nợ gốc: 104.511.870đ; Lãi: 18.962.111đ (trong đó: lãi trong hạn 12.641.407đ và lãi quá hạn 6.320.704đ); Tổng cộng: 123.473.981đ.

Nay Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu bà Phạm Thị Mỹ L phải trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 01/8/2023 là 123.473.981đ, trong đó: nợ gốc 104.511.870đ và lãi 18.962.111đ (trong đó: lãi trong hạn 12.641.407đ và lãi quá hạn 6.320.704đ). Đồng thời bà L phải có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh tính từ ngày 02/8/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn bà Phạm Thị Mỹ L không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham dự phiên tòa do Tòa án triệu tập.

Tại phiên toà:

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và Nghị quyết

số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 123.473.981đ, trong đó: nợ gốc 104.511.870đ và nợ lãi 18.962.111đ (trong đó: lãi trong hạn 12.641.407đ và lãi quá hạn 6.320.704đ) và tiền lãi tiếp tục phát sinh theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 12/11/2019 đã ký.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng thương mại cổ phần S khởi kiện bà Phạm Thị Mỹ L yêu cầu trả tiền vốn vay và lãi phát sinh theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 12/11/2019. Do đó, xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà L đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố L nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không tham gia phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt bà L.

[2.2] Ngân hàng thương mại cổ phần S do bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho ông Trần Minh S1; Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần S – chi nhánh A. Ông S1 ủy quyền cho ông Huỳnh Công K; Chức vụ: Trưởng phòng Kiểm soát rủi ro Ngân hàng thương mại cổ phần S – chi nhánh A (Theo giấy uỷ quyền ngày 16/5/2023). Thủ tục ủy quyền này phù hợp với quy định pháp luật nên ông K tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 85, Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Ngân hàng thương mại cổ phần S (Ngân hàng) và bà Phạm Thị Mỹ L ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) vào ngày 12/11/2019 với nội dung: Ngân hàng đồng ý mở thẻ tín dụng cho bà L với hạn mức sử dụng 100.000.000đ, thời hạn vay 03 năm, lãi suất vay 2.77%/tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, với mục đích: tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 400.027.509đ và đã thực hiện thanh toán cho Ngân hàng số tiền 359.536.882đ, trong đó vốn 295.515.639, lãi 58.854.456đ, phí 5.166787đ. Do bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà L phải trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 01/8/2023 là 123.473.981đ, trong đó: nợ gốc 104.511.870đ và lãi 18.962.111đ (trong đó: lãi trong hạn 12.641.407đ và lãi quá hạn 6.320.704đ), đồng thời yêu cầu bà L phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo

Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng trên số dư nợ chưa thanh toán cho đến khi trả dứt nợ.

[3.2] Hội đồng xét xử xét, Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) giữa Ngân hàng và bà L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp đồng này có giá trị pháp lý. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, phía bà L đã không thực hiện nghĩa vụ trả vốn, lãi suất đúng hạn là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà L có trách nhiệm thanh toán vốn, lãi tạm tính đến ngày 01/8/2023 là 123.473.981đ, trong đó: nợ gốc 104.511.870đ và lãi 18.962.111đ (trong đó: lãi trong hạn 12.641.407đ và lãi quá hạn 6.320.704đ) và tiền lãi tiếp tục phát sinh theo Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số 3254588111/2019/AG ngày 12/11/2019 đã ký là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228, Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 16 Điều 4; khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Buộc bà Phạm Thị Mỹ L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền tạm tính đến ngày 01/8/2023 là 123.473.981đ, trong đó: nợ gốc 104.511.870đ và lãi 18.962.111đ (trong đó: lãi trong hạn 12.641.407đ và lãi quá hạn 6.320.704đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Phạm Thị Mỹ L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số 3254588111/2019/AG ngày 12/11/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Mỹ L phải nộp 6.173.699đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần S được nhận lại 2.808.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001855 ngày 24/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L.

3. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng thương mại cổ phần S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bà Phạm Thị Mỹ L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TPLX;
- THADS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Lan